

Bản án số: 996/2026/DS-PT
Ngày: 20-5-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Bà Phạm Thị Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 537/DSPT ngày 18/3/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 07/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2095/2026/QĐXXPT-DS ngày 01/04/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5784/QĐST-DS ngày 22/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Tháp B, số 194 T.Q.K, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành N, bà Trương Thị Mỹ H1, bà Điền Thị Mỹ H2, bà Đoàn Thị N1 và ông Đặng Hoàng C; Cùng địa chỉ: 117 N.Đ.C, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2025) – ông C có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Phước M, sinh năm 1983; Địa chỉ: 12.08 Block B, Chung cư T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1981 và bà Đoàn Thị Yến N3, sinh năm 1996; Cùng địa chỉ: Lô 1.16 V, 1472 V.V.K, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 06/5/2025) – bà N3 có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1990;
- Ông Nguyễn Kiều H3, sinh năm 1984;
- Trẻ Nguyễn Nhật P, sinh năm 2013;
- Trẻ Nguyễn Nhật V, sinh năm 2019;

Người đại diện theo pháp luật của trẻ P và trẻ V: Ông Nguyễn Kiều H3 và bà Phạm Thị T1 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 12 Khu phố 3, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (Sau đây viết tắt Ngân hàng B) trình bày:

Ngân hàng B và ông Lê Phước M có ký kết các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được liệt kê chi tiết như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19479628/HĐTD ngày 19/06/2023, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2023/19479628/HĐTD-PL1 ngày 28/08/2023, với thỏa thuận như sau: Số tiền vay: 12.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai tỷ hai trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 360 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 19/06/2023 đến ngày 19/06/2053). Mục đích vay: Thanh toán tiền mua nhà tại địa chỉ số 12 khu phố 3, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Lịch trả nợ gốc: 360 kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) vào ngày 25 hàng tháng, số tiền trả nợ gốc mỗi kỳ (từ kỳ 01 đến kỳ 359) là 33.900.000 đồng. Kỳ cuối (kỳ 360) trả nợ gốc là 29.900.000 đồng. Lịch trả nợ lãi: Định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng. Lãi suất cho vay: Theo Bảng kê rút vốn số Hợp đồng 01/2023/19479628/HĐTD ngày 19/6/2023 như sau: Áp dụng mức lãi suất là 9,0%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay các năm còn lại bằng (=) lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,0%/năm. Lãi suất cho vay thả nổi: được điều chỉnh 06 tháng một lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm. Tại ngày điều chỉnh lãi suất, lãi suất được điều chỉnh theo đúng quy định trên hợp đồng tín dụng đã ký kết. Lãi suất cho vay được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 25. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân số hợp đồng 01/2023/19479628/ĐKKHĐPHTVSDTTD ngày 19/06/2023, với thỏa thuận như sau: Hạn mức thẻ tín dụng: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng); Thời hạn: 12 tháng; Mục đích: Tiêu dùng; Lãi suất, phí: B thông báo theo từng thời kỳ; Phương thức thanh toán nợ: Trích nợ tự động, tỷ lệ trích nợ 5%.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng 01/2023/19479628/HĐTD ngày 19/06/2023 nêu trên, ông Lê Phước M đã dùng tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 12 khu phố 3, phường B, Thành phố T (nay là Khu phố 5, phường P), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 984796 do UBND Quận C, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/05/2011, cập nhật

thay đổi về chủ sau khi cấp giấy chứng nhận vào ngày 26/6/2023, để thế chấp cho Ngân hàng B.

Tính đến hết ngày 30/12/2025, ông Lê Phước M đã thanh toán cho Ngân hàng B số tiền 157.009.523 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 151.725.482 đồng, nợ lãi là 5.284.041 đồng và còn nợ Ngân hàng B tổng cộng là 15.089.523.663 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 12.048.274.518 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.714.846.246 đồng, nợ lãi quá hạn là 43.225.119 đồng, lãi phạt lãi chậm trả là 283.177.780 đồng.

Đối với đề nghị miễn giảm lãi của bị đơn: Ông Lê Phước M có yêu cầu đề nghị Ngân hàng B xem xét giảm nợ lãi vay của Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19479628/HĐTD ngày 19/06/2023 đã ký kết. Trong quá trình quan hệ tín dụng với ngân hàng, ông Lê Phước M đã nhiều lần không trả nợ vay, trả nợ vay không đầy đủ, không có thiện chí trong việc thanh toán nợ vay và Ngân hàng cũng đã tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho Ông M bằng việc cơ cấu lại thời gian trả nợ nhưng ông Lê Phước M vẫn chây lỳ trong việc thanh toán nợ vay làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng B không đồng ý giảm lãi vay của Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Liên quan đến việc ông Lê Phước M bàn giao tài sản thế chấp, Ngân hàng B có ý kiến như sau: Ông M chỉ thể hiện ý kiến là đơn phương đồng ý tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp, nhưng chưa thực hiện việc bàn giao thực tế hiện trạng của tài sản thế chấp cho Ngân hàng quản lý. Đồng thời, Ngân hàng cũng không có ý kiến đồng ý bằng văn bản về việc tiếp nhận tài sản thế chấp từ ông Lê Phước M bàn giao. Từ ngày 26/06/2023, là ngày ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/19479628/HĐBĐ đến nay, Ngân hàng B không nhận được bất cứ văn bản hay công văn nào của chủ sở hữu ông Lê Phước M đề nghị Ngân hàng xem xét được cho thuê tài sản thế chấp. Do đó, Ngân hàng không có thông tin về việc chủ sở hữu cho thuê tài sản. Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản nêu trên, đến nay ông Lê Phước M chủ sở hữu đồng thời là người sử dụng, quản lý tài sản thế chấp và cũng chính là người nhận hoa lợi (tiền thuê nhà) từ việc cho thuê tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng.

Đối với thẻ tín dụng, ông Lê Phước M đã thanh toán cho Ngân hàng B số tiền là 102.391.618 đồng, số dư nợ thẻ tín dụng của ông Lê Phước M là 0 đồng, nên Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện buộc Ông M thanh toán nợ thẻ tín dụng theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân số hợp đồng 01/2023/19479628/ĐKKHĐPHTVSDTTD ngày 19/06/2023 tại Bản tự khai ngày 15/8/2025.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP B đề nghị Tòa án không đưa ông Nguyễn Đình P1 vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Nay Ngân hàng TMCP B khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu cụ thể như sau:

1. Buộc ông Lê Phước M phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ gốc, các khoản nợ lãi phát sinh, nợ lãi của lãi chậm trả của Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19479628/HĐTD ngày 19/06/2023, với tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi

đến ngày 30/12/2025 là 15.089.523.663 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 12.048.274.518 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.714.846.246 đồng, nợ lãi quá hạn là 43.225.119 đồng, lãi phạt lãi chậm trả là 283.177.780 đồng.

2. Trường hợp, ông Lê Phước M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng B được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 12 khu phố 3, phường B, Thành phố T (nay là Khu phố 5, phường P), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 984796 do UBND Quận C, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/05/2011, cập nhật thay đổi về chủ sau khi cấp giấy chứng nhận vào ngày 26/6/2023. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn là ông Lê Phước M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng B.

Ngân hàng B rút yêu cầu khởi kiện buộc ông Lê Phước M thanh toán nợ thẻ tín dụng theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho khách hàng cá nhân số hợp đồng 01/2023/19479628/ĐKKHĐPHTVSDTTD ngày 19/06/2023, do Ông M đã thanh toán hết nợ thẻ.

Bị đơn ông Lê Phước M có người đại diện ủy quyền bà Đoàn Phạm Yến N3 có văn bản và ý kiến trình bày đề nghị Tòa án xem xét chấp thuận các nội dung sau:

Về tiền nợ gốc: Còn lại 12.048.274.518 đồng. Về tiền lãi: Chỉ chấp nhận tính lãi đến hết ngày 10/10/2023. Thời điểm bị đơn đã hoàn tất nghĩa vụ bàn giao về tài sản bảo đảm để Ngân hàng B xử lý nhằm thu hồi nợ. Về hình thức xử lý tài sản: Đề nghị Tòa án công nhận quyền của Ngân hàng B được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ và các chi phí phát sinh do nguyên đơn chịu trách nhiệm chi trả. Tuy nhiên, do Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số công chứng 001878 ngày 19/6/2023 tại Văn phòng Công chứng L giữa ông Lê Phước M và ông Nguyễn Đình P1 là giả tạo do không có việc giao nhận tiền, bàn giao nhà, mục đích thật sự là đứng tên vay hộ... nên đề nghị Tòa án:

1. Tuyên Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số công chứng 001878 ngày 19/6/2023 tại Văn phòng Công chứng L giữa ông Lê Phước M và ông Nguyễn Đình P1 vô hiệu;

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu xác định ông P1 có nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền đã nhận và bên có lỗi phải chịu trách nhiệm bồi thường.

3. Xem xét hiệu lực của hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng do ngân hàng không phải là người thứ 3 ngay tình và ngân hàng cũng có lỗi trong việc làm phát sinh giao dịch vô hiệu.

4. Ông Nguyễn Đình P1 là người có nghĩa vụ chịu toàn bộ trách nhiệm trả nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19479628/HĐTD ngày 19/06/2023 với nguyên đơn. Trường hợp ông P1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì được quyền phát mãi tài sản của ông P1 là nhà đất có

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 984796 do UBND Quận C, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/05/2011 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản nêu trên không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Nguyễn Đình P1 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho nguyên đơn.

Đề nghị Tòa án đưa ông Nguyễn Đình P1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo thủ tục tố tụng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để thực hiện việc tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

Tại Bản án số 01/2026/DS-ST ngày 07/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử (Tóm tắt):

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B

1.1. Buộc ông Lê Phước M phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ tính đến ngày 30/12/2025 là 15.089.523.663 (mười lăm tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi ba) đồng, bao gồm: Nợ gốc là 12.048.274.518 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.714.846.246 đồng, nợ lãi quá hạn là 43.225.119 đồng, lãi phạt lãi chậm trả là 283.177.780 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19479628/HĐTD ngày 19/06/2023, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2023/19479628/HĐTD-PL1 ngày 28/08/2023.

1.2. Ông Lê Phước M tiếp tục phải chịu lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 31/12/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP B.

1.3. Trường hợp, ông Lê Phước M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 12 khu phố 3, phường B, Thành phố T (nay là Khu phố 5, phường P), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 984796 do UBND Quận C, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/05/2011, cập nhật thay đổi về chủ sau khi cấp giấy chứng nhận vào ngày 26/6/2023.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn là ông Lê Phước M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP B.

Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Lê Phước M thanh toán nợ thẻ tín dụng theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân số hợp đồng 01/2023/19479628/ĐKKHĐPHTVSDTTD ngày 19/6/2023 của Ngân hàng TMCP B.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên xử về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/01/2026, bị đơn ông Lê Phước M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 007/01/2026, của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng B không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông Lê Phước M không rút đơn kháng cáo. Nhưng hai bên đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B không yêu cầu bị đơn ông Lê Phước M phải chịu khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi 413.885.389 đồng tính đến ngày 19/5/2026 và sau ngày này đối với khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi.

Nguyên đơn Ngân hàng đồng ý chỉ yêu cầu bị đơn ông Lê Phước M thanh toán khoản tiền nợ gốc, các khoản tiền nợ lãi phát sinh và lãi chậm trả của Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19479628/HĐTD ngày 19/06/2023, tính đến ngày 19/5/2026 tổng cộng là: 15.073.991.292 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 12.048.274.518 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.962.056.017 đồng, nợ lãi quá hạn chậm trả gốc là 63.660.757 đồng. Bị đơn ông Lê Phước M tiếp tục phải chịu lãi trong hạn và lãi quá hạn kể từ ngày 20/5/2026, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP B. Trường hợp, ông Lê Phước M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 12 khu phố 3, phường B, Thành phố T (nay là Khu phố 5, phường P), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 984796 do UBND Quận C, TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 04/05/2011, cập nhật thay đổi về chủ sau khi cấp giấy chứng nhận vào ngày 26/6/2023.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn là ông Lê Phước M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng B.

Bà Đoàn Phạm Yến N3 đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ý kiến: Đề nghị Cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và công nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nêu trên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký; các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận này là tự nguyện không trái quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ

thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo thỏa thuận của các đương sự. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Đơn kháng cáo:* Ngày 20/01/2025, bị đơn ông Lê Phước M có đơn kháng cáo và đã nộp trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sau đây viết tắt BLTTDS) là hợp lệ nên chấp thuận.

- *Về việc xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn nên Tòa án nhân dân Khu vực 1 xác định vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

- *Về việc vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Điều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B không yêu cầu bị đơn ông Lê Phước M phải chịu khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi là 413.885.389 đồng tính đến ngày 19/5/2026 và khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi sau ngày này.

Nguyên đơn Ngân hàng B đồng ý chỉ yêu cầu bị đơn ông Lê Phước M có nghĩa vụ trả thanh toán tiền nợ gốc, các khoản tiền nợ lãi phát sinh và lãi chậm trả của Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19479628/HĐTD ngày 19/06/2023, tính đến ngày 19/5/2026 tổng cộng là: 15.073.991.292 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 12.048.274.518 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.962.056.017 đồng, nợ lãi quá hạn chậm trả gốc là 63.660.757 đồng. Bị đơn ông Lê Phước M tiếp tục phải chịu lãi trong hạn và lãi quá hạn kể từ ngày 20/5/2026, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP B. Trường hợp, ông Lê Phước M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 12 khu phố 3, phường B, Thành phố T - nay là Khu phố 5, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 984796 do UBND Quận C, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/05/2011, cập nhật thay đổi về chủ sau khi cấp giấy chứng nhận vào ngày 26/6/2023.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn là ông Lê Phước M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng B.

Từ nội dung thỏa thuận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 của BLTTDS, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa Bản án dân sự sơ thẩm, như ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định lại theo thỏa thuận của các bên. Bị đơn ông Lê Phước M phải chịu số tiền 123.073.900 đồng (Làm tròn). Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 60.690.064 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0065203 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0010024 ngày 03/2/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 148, Điều 217, khoản 3 Điều 296, các Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 90, 91, 95 và 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 280, Điều 299, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Điều 26, khoản 2, 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2026, của Tòa án Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bị đơn ông Lê Phước M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tiền nợ gốc, các khoản tiền nợ lãi phát sinh và lãi chậm trả tính đến ngày 19/5/2026 tổng cộng là: 15.073.991.292 (*Mười lăm tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm chín mươi một nghìn, hai trăm chín mươi hai*) đồng, bao gồm: Nợ gốc là 12.048.274.518 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.962.056.017 đồng, nợ lãi quá hạn chậm trả gốc là 63.660.757 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số

01/2023/19479628/HĐTD ngày 19/06/2023, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2023/19479628/HĐTD-PL1 ngày 28/08/2023.

2. Bị đơn ông Lê Phước M tiếp tục phải chịu lãi trong hạn và lãi quá hạn kể từ ngày 20/5/2026, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP B.

3. Trường hợp, bị đơn ông Lê Phước M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì nguyên đơn Ngân hàng B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 12 khu phố 3, phường B, Thành phố T - nay là Khu phố 5, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 984796 do UBND Quận C, TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 04/05/2011, cập nhật thay đổi về chủ sau khi cấp giấy chứng nhận vào ngày 26/6/2023.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết các khoản tiền nợ gốc và lãi nêu tại (khoản 1) thì ông Lê Phước M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản tiền còn lại cho Ngân hàng TMCP B.

4. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B không yêu cầu bị đơn ông Lê Phước M phải chịu khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi 413.885.389 (bốn trăm mười ba triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi chín) đồng tính đến ngày 19/5/2026 và sau ngày này đối với khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi.

Các bên Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền hoặc tự nguyện thỏa thuận thi hành theo quy định pháp luật.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Lê Phước M thanh toán nợ thẻ tín dụng theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân số hợp đồng 01/2023/19479628/ĐKKHĐPHTVSDTTD ngày 19/6/2023 của Ngân hàng TMCP B.

6. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Lê Phước M phải chịu và phải hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng B 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

7. Về án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Phước M phải chịu số tiền 123.073.900 (một trăm hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm) đồng (Làm tròn). Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 60.690.064 (sáu mươi triệu sáu trăm chín mươi nghìn không trăm sáu mươi tư) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0065203 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0010024 ngày 03/2/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- THADS TPHCM;
- TAND KV1, TPHCM;
- Phòng THADS KV1, TPHCM;
- Phòng THADS KV3, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hòa